

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2009/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2340/2007/QĐ-UBND ngày 25/10/2007 của UBND tỉnh, về mức giá thu một phần viện phí và các dịch vụ y tế áp dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh trong hệ thống y tế nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTV-QH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP.

Căn cứ Thông tư Liên bộ số 03/2006/ TTLT-BYT-BTC-BLĐ,TB&XH ngày 26/01/2006 của Liên bộ Y tế, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện thu một phần viện phí; Công văn số 141/HĐND-CTHĐ ngày 19/10/2009 của Thường trực HĐND tỉnh Thái Nguyên;

Xét báo cáo, đề nghị của Sở Y tế Thái Nguyên tại Tờ trình số 785/TTr-SYT ngày 17/6/2009, đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1370/TTr-STC ngày 27/8/2009 về việc thực hiện giá thu viện phí một số dịch vụ kỹ thuật cao trong liên kết đầu tư tại các bệnh viện trên địa bàn thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2340/2007/QĐ-UBND ngày 25/10/2007 của UBND tỉnh, về mức giá thu một phần viện phí và các dịch vụ y tế áp dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh trong hệ thống y tế Nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý, cụ thể như sau:

(Có phụ lục số 01, 02 chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Y tế và các ngành có liên quan hướng dẫn các bệnh viện, các cơ sở khám chữa bệnh trong hệ thống y tế nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý tổ chức thực hiện. Đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các bệnh viện, cơ sở điều trị bệnh thực hiện nghiêm túc việc thu viện phí, một số dịch vụ y tế theo đúng quy định hướng dẫn tại các văn bản hướng dẫn hiện hành của các bộ, ngành Trung ương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị: Tài chính, Y tế, Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà Nước tỉnh và các ngành liên quan; Giám đốc các bệnh viện, các Trung tâm y tế, các Cơ sở khám chữa bệnh thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Xuân Dương

PHỤ LỤC SỐ 01**DANH MỤC THỦ THUẬT ĐIỀU CHỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên Phẫu thuật - thủ thuật	Loại		Giá viện phí tại QĐ 2340 (Đồng)	Giá viện phí điều chỉnh (Đồng)
		Phẫu thuật	Thủ thuật		
1	Khí dung (không kể thuốc) đồng/lần. Thay thế số thứ tự 28, mục C2.4 tại phụ lục kèm theo Quyết định số 2340/2007/QĐ-UBND.			5.000	8 000
2	Xét nghiệm tìm BK (AFB)/01 mẫu. Thay thế số thứ tự 02 mục XÉT NGHIỆM VI SINH tại phụ lục kèm theo Quyết định số 2340/2007/QĐ-UBND.			20.000	25.000

PHỤ LỤC SỐ 02**DANH MỤC PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT BỔ SUNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên Phẫu thuật - thủ thuật	Loại		Giá viện phí (Đồng)
		Phẫu thuật	Thủ thuật	
	Khối u			
1	Phẫu thuật vét hạch cổ trong ung thư	I		1.260.000
2	Cắt toàn bộ tuyến giáp, 1 thùy có vét hạch cổ 1 bên	I		1.260.000
3	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	I		1.260.000
4	Cắt 2/3 và 3/4 dạ dày do ung thư kèm theo có vét hạch hệ thống	I		1.260.000
	Thần kinh sọ não			
5	Phẫu thuật thoát vị não và màng não	I		1.260.000
6	Phẫu thuật tràn dịch não, nang nước trong hộp sọ	I		1.260.000
7	Dẫn lưu não thất	II		700.000
	Tiêu hoá bụng			
8	Cắt toàn bộ dạ dày	Đặc biệt		1.750.000
9	Cắt 2/3 dạ dày	I		1.260.000
10	Cắt 3/4 dạ dày	I		1.260.000
11	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	II		700.000

TT	Tên Phẫu thuật - thủ thuật	Loại		Giá viện phí (Đồng)
		Phẫu thuật	Thủ thuật	
12	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	II		700.000
13	Dẫn lưu áp xe tồn dư trên dưới cơ hoành	II		700.000
	Phụ sản			
14	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính cầm sau tiểu khung	Đặc biệt		1.750.000
15	Cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị trong chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	I		1.260.000
16	Mở thông vòi trứng hai bên	I		1.260.000
	Tai - Mũi - Họng			
17	Phẫu thuật lấy đường dò luân nhĩ	III		560.000
18	Mổ vi phẫu thanh quản	II		700.000
19	Đặt ống thông khí hòm tai		II	315.000
	Mắt			
20	Cắt u mi kết mạc không vá, kể cả chấp lan toả	II		700.000
21	Nhuộm sọc bề mặt giác mạc	III		560.000
	Nội soi			
22	Phẫu thuật mũi xoang qua nội soi	I		1.260.000
23	Cắt u nang hạ họng, thanh quản qua nội soi	II		700.000
24	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	I		1.260.000
25	Phẫu thuật thoát vị bẹn qua nội soi	I		1.260.000
26	Cắt polip đại tràng qua nội soi	I		1.260.000
27	Cắt polip dạ dày qua nội soi	II		700.000

TT	Tên Phẫu thuật - thủ thuật	Loại		Giá viện phí (Đồng)
		Phẫu thuật	Thủ thuật	
28	Cắt polip đại tràng sigma qua nội soi	II		700.000
29	Cắt polip trực tràng qua nội soi	II		700.000
30	Phẫu thuật nội soi giãn tĩnh mạch thừa tinh	I		1.260.000
31	Phẫu thuật nội soi chẩn đoán	II		700.000
32	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi bàng quang	II		700.000
33	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	II		700.000
34	Rút sỏi niệu quản qua nội soi		I	490.000
35	Nội soi khí phế quản bằng ống soi mềm (kể cả thuốc).		Đặc biệt	700.000
	Lồng ngực			
36	Mở màng phổi tối thiểu	II		700.000
37	Bơm rửa màng phổi trong tràn mủ màng phổi/01 lần		II	315 000
38	Dẫn lưu khí, dịch màng phổi bằng sonde các loại /24 giờ (lần)		I	490 000
39	Chọc hút khí, dịch màng phổi.		II	315 000
40	Sinh thiết màng phổi		II	315 000
41	Gây dính màng phổi bằng các loại thuốc, hoá chất qua ống dẫn lưu màng phổi		II	315 000
42	Mở khí quản cấp cứu		I	490.000
43	Đặt ống nội khí quản cấp cứu		I	490.000
44	Nội soi màng phổi để chẩn đoán và điều trị		I	490.000
45	Sinh thiết xuyên thành phế quản qua nội soi		Đặc biệt	840.000

TT	Tên Phẫu thuật - thủ thuật	Loại		Giá viện phí (Đồng)
		Phẫu thuật	Thủ thuật	
46	Chọc dịch màng ngoài tim		Đặc biệt	700.000
	Cơ xương khớp			
47	Phẫu thuật cắt lọc, đặt lại xương, bó bột trong gãy xương hở	II		700.000
48	Phẫu thuật thoát vị bao khớp	II		700.000
	Hạch			
49	Chọc hạch làm hạch đồ		III	140 000
	Chụp X.quang			
50	Chụp X.quang có gắn hệ thống computer (CR) (đồng /01 phim)			50.000
51	Chụp X.quang tại giường (đồng /01 phim)			100.000
	Xét nghiệm chức năng gan			
52	SGOT			15.000
53	SGPT			15.000
	Điện giải đồ			
54	Xét nghiệm điện giải (Na^+ hoặc K^+ hoặc Cl^-)			12.000
55	Xét nghiệm điện giải một lần cho 3 kết quả Na^+ , K^+ , Cl^-			36.000
	Chạy Thận nhân tạo			
56	Sử dụng dung dịch Acetat (đồng/01 lần)			300.000
57	Sử dụng dung dịch Bicarbonat (đồng/01 lần)			400.000
58	Đo mật độ xương một vị trí (đồng/01 vị trí)			80.000

TT	Tên Phẫu thuật - thủ thuật	Loại		Giá viện phí (Đồng)
		Phẫu thuật	Thủ thuật	
	Ung bướu			
59	Chọc thăm dò nước màng phổi, màng bụng		III	140.000